

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 13.10.2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Xuân S** - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: K76 H1/9 L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Dũ Thị X** - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Q. Tạm trú tại: 79/10 An Trung Đông 7, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 155/2014, quyển số 01 ngày 03.12.2014, hôn nhân tự nguyện là hợp pháp, các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X xác định có một con chung tên là Phạm Gia L – Sinh ngày 17.4.2015. Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận giao con chung nói trên cho ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà

X không cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như trên của ông S và bà X là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X thống nhất thỏa thuận như sau: Giao 01 con chung tên là Phạm Gia L – Sinh ngày 17.4.2015 cho ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà X không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ly hôn, các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000496 ngày 23.11.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (Ông Phạm Xuân S và bà Dũ Thị X đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *UBND phường Hòa Cường Bắc;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Hồ Thị Mỹ Dung**

